

SỞ Y TẾ TỈNH YÊN BÁI
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: *MM*/BV-KD
V/v đề nghị cung cấp báo giá
vị thuốc cổ truyền

Yên Bái, ngày *31* tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh, cung cấp dược liệu, vị thuốc cổ truyền

Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái xin trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Hiện nay Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái đang lập kế hoạch mua sắm vị thuốc cổ truyền phục vụ công tác khám, chữa bệnh năm 2023 - 2024 bao gồm 114 mặt hàng vị thuốc cổ truyền (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*)

Bệnh viện kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp vị thuốc cổ truyền nêu trên gửi báo giá về Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái để bệnh viện có cơ sở tổng hợp, lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

Báo giá (có đóng dấu hợp pháp của đơn vị) xin gửi về Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái. Số 723, Đường Yên Ninh, Phường Minh Tân, Thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trước ngày 07/6/2023; báo giá bản mềm gửi theo địa chỉ email: khoaduocyhctyb@gmail.com.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KD.



Nguyễn Văn Hùng

DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN ĐỀ NGHỊ BẢO GIÁ

(Kèm theo Công văn số 44/BV-KD ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Yên Bái)

STT	Tên thuốc	Tên khoa học	Đơn vị tính	Giấy phép lưu hành	Tiêu chuẩn	Dạng bào chế/Phương pháp chế biến	Nhóm TCKT	Đơn giá (đã có VAT)
1	Bá tử nhân	<i>Semen Platycladi orientalis</i>	Kg					
2	Bạch chi	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Kg					
3	Bách hợp	<i>Bulbus Lilii</i>	Kg					
4	Bạch linh	<i>Poria</i>	Kg					
5	Bạch mao căn	<i>Rhizoma Imperratae cylindrica</i>	Kg					
6	Bạch phụ tử	<i>Rhizoma Typhonii gigantei</i>	Kg					
7	Bạch tật lê	<i>Fructus Tribuli terrestris</i>	Kg					
8	Bạch thược	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Kg					
9	Bạch truật	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Kg					
10	Bán hạ	<i>Rhizoma Pinelliae</i>	Kg					
11	Bình lang	<i>Semen Arecae Catechi</i>	Kg					
12	Bồ công anh	<i>Herba Lactuca</i>	Kg					
13	Bồ cốt chi	<i>Fructus Psoraleae corylifoliae</i>	Kg					
14	Cà gai leo	<i>Herba Solani procumbensis</i>	Kg					
15	Cam thảo	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Kg					
16	Cam thảo	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Kg					
17	Cát cánh	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Kg					
18	Câu đằng	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Kg					
19	Câu kỷ tử	<i>Fructus Lycii</i>	Kg					
20	Cẩu tích	<i>Rhizoma Cibotii</i>	Kg					
21	Chi thực	<i>Fructus Aurantii immaturus</i>	Kg					
22	Chi xác	<i>Fructus Aurantii</i>	Kg					
23	Cò ngọt	<i>Herba Steviae</i>	Kg					
24	Cò xước	<i>Radix Achyranthis asperae</i>	Kg					
25	Cối xay	<i>Herba Abutili indici</i>	Kg					
26	Cốt toái bổ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Kg					
27	Cúc hoa vàng	<i>Flos Chrysanthemi indici</i>	Kg					

STT	Tên thuốc	Tên khoa học	Đơn vị tính	Giấy phép lưu hành	Tiêu chuẩn	Dạng bào chế/Phương pháp chế biến	Nhóm TCKT	Đơn giá (đã có VAT)
28	Đại hoàng	<i>Rhizoma Rhei</i>	Kg					
29	Đại táo	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Kg					
30	Đan sâm	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Kg					
31	Đảng sâm	<i>Radix Codonopsis</i>	Kg					
32	Đăng tâm thảo	<i>Medulla Junci effusi</i>	Kg					
33	Đào nhân	<i>Semen Pruni</i>	Kg					
34	Dây đau xương	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Kg					
35	Địa cốt bì	<i>Cortex Lycii chinensis radicis</i>	Kg					
36	Diệp hạ châu	<i>Herba Phyllanthi urinariae</i>	Kg					
37	Đinh lăng	<i>Radix Polysciacis</i>	Kg					
38	Đỗ trọng	<i>Cortex Eucommiae</i>	Kg					
39	Độc hoạt	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Kg					
40	Đương quy	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Kg					
41	Hạ khô thảo	<i>Spica Prunellae</i>	Kg					
42	Hà thủ ô đỏ	<i>Radix Fallopieae multiflorae</i>	Kg					
43	Hoài sơn	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Kg					
44	Hoàng bá	<i>Cortex Phellodendri</i>	Kg					
45	Hoàng cầm	<i>Radix Scutellariae</i>	Kg					
46	Hoàng kỳ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Kg					
47	Hoàng kỳ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Kg					
48	Hoàng liên	<i>Rhizoma Coptidis</i>	Kg					
49	Hòe hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Kg					
50	Hòe Hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici</i>	Kg					
51	Hồng hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Kg					
52	Huyền sâm	<i>Radix Scrophulariae</i>	Kg					
53	Ích trí nhân	<i>Fructus Alpiniae oxyphyllae</i>	Kg					
54	Kê huyết đằng	<i>Caulis Spatholobi</i>	Kg					
55	Khương hoàng	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Kg					

STT	Tên thuốc	Tên khoa học	Đơn vị tính	Giấy phép lưu hành	Tiêu chuẩn	Dạng bào chế/Phương pháp chế biến	Nhóm TCKT	Đơn giá (đã có VAT)
56	Kim ngân hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Kg					
57	Kim tiền thảo	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	Kg					
58	Kinh giới	<i>Herba Elsholtziae ciliatae; Schizonepetae Herba</i>	Kg					
59	Lá khô	<i>Folium Ardisiae</i>	Kg					
60	Liên diệp	<i>Folium Nelumbinis</i>	Kg					
61	Liên nhục	<i>Semen Nelumbinis</i>	Kg					
62	Linh chi	<i>Ganoderma</i>	Kg					
63	Long nhãn	<i>Arillus Longan</i>	Kg					
64	Mạch môn	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Kg					
65	Mạch nha	<i>Fructus Hordei germinatus</i>	Kg					
66	Mẫu đơn bì	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae radices</i>	Kg					
67	Mộc hương	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Kg					
68	Mộc qua	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Kg					
69	Nga truật	<i>Rhizoma Curcumae zedoariae</i>	Kg					
70	Ngũ vị tử	<i>Fructus Schisandrae</i>	Kg					
71	Ngưu bàng tử	<i>Fructus Arctii lappae</i>	Kg					
72	Ngưu tất	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Kg					
73	Nhân sâm	<i>Radix Ginseng</i>	Kg					
74	Nhân trần	<i>Herba Adenosmatis caerulei</i>	Kg					
75	Nhục thung dung	<i>Herba Cistanches</i>	Kg					
76	Phòng phong	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Kg					
77	Quả lâu nhân	<i>Semen Trichosanthis</i>	Kg					
78	Quế chi	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Kg					
79	Quế nhục	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Kg					
80	Sa nhân	<i>Fructus Amomi</i>	Kg					
81	Sa sâm	<i>Radix Glehniae</i>	Kg					
82	Sài đất	<i>Herba Wedeliae</i>	Kg					
83	Sài hồ	<i>Radix Bupleuri</i>	Kg					

STT	Tên thuốc	Tên khoa học	Đơn vị tính	Giấy phép lưu hành	Tiêu chuẩn	Dạng bào chế/Phương pháp chế biến	Nhóm TCKT	Đơn giá (đã có VAT)
84	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Kg					
85	Sơn thù	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Kg					
86	Sơn tra	<i>Fructus Mali; Fructus Crataegi</i>	Kg					
87	Tam thất	<i>Radix Panasis notoginseng</i>	Kg					
88	Tần giao	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Kg					
89	Tang diệp	<i>Folium Mori albae</i>	Kg					
90	Tang ký sinh	<i>Herba Loranthe gracilifolii</i>	Kg					
91	Tế tân	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	Kg					
92	Thạch xương bồ	<i>Rhizoma Acori graminei</i>	Kg					
93	Thần khúc	<i>Massa medicata fermentata</i>	Kg					
94	Thăng ma	<i>Rhizoma Cimicifugae</i>	Kg					
95	Thanh bì	<i>Pericarpium Citri reticulatae viridae</i>	Kg					
96	Thiên môn đông	<i>Radix Asparagi cochinchinensis</i>	Kg					
97	Thổ phục linh	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Kg					
98	Thục địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Kg					
99	Thương nhĩ tử	<i>Fructus Xanthii strumarii</i>	Kg					
100	Thương truật	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Kg					
101	Thủy xương bồ	<i>Rhizoma Acori calami</i>	Kg					
102	Tiên hồ	<i>Radix Peucedani</i>	Kg					
103	Tô diệp	<i>Folium Perillae</i>	Kg					
104	Tô mộc	<i>Lignum sappan</i>	Kg					
105	Trạch tả	<i>Rhizoma Alismatis</i>	Kg					
106	Tri mẫu	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Kg					
107	Tử uyển	<i>Radix Asteris</i>	Kg					
108	Tục đoạn	<i>Radix Dipsaci</i>	Kg					
109	Uy linh tiên	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	Kg					
110	Viễn chí	<i>Radix Polygalae</i>	Kg					
111	Xa tiền tử	<i>Semen Plantaginis</i>	Kg					

STT	Tên thuốc	Tên khoa học	Đơn vị tính	Giấy phép lưu hành	Tiêu chuẩn	Dạng bào chế/Phương pháp chế biến	Nhóm TCKT	Đơn giá (đã có VAT)
112	Xích thước	<i>Radix Paeoniae</i>	Kg					
113	Xuyên khung	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Kg					
114	Ý dĩ	<i>Semen Coicis</i>	Kg					
Tổng cộng: 114 mặt hàng								